# CHỦ ĐỀ 7: CƠ THỂ NGƯỜI

## BÀI 35: HỆ NỘI TIẾT Ở NGƯỜI

( 2 TIẾT)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

**Sau bài học, HS sẽ:**

* Nêu được tên và chức năng của các tuyến nội tiết.
* Nêu được một số bệnh liên quan đến hệ nội tiết và cách phòng chống các bệnh đó.
* Vận dụng được hiểu biết về các tuyến nội tiết để bảo vệ sức khỏe bản thân và người thân trong gia đình.
* Tìm hiểu được các bệnh nội tiết ở địa phương.

**2. Năng lực**

**2.1. Năng lực chung:**

***- Năng lực tự chủ và tự học:*** tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về hệ nội tiết, một số bệnh liên quan đến hệ nội tiết, đồng thời đề xuất các biện pháp bảo vệ sức khỏe bản thân và gia đình.

***- Năng lực giao tiếp và hợp tác:*** thảo luận nhóm để xác định được tên, vị trí, vai trò của các tuyến nội tiết, đề xuất các biện pháp phòng tránh các bệnh về nội tiết.

***- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:*** vận dụng kiến thức điều tra được tình hình các bệnh nội tiết ở địa phương.

**2.2. Năng lực khoa học tự nhiên :**

**\* Nhận biết KHTN**

- Phát biểu được khái niệm hệ nội tiết, phân biệt hệ nội tiết và ngoại tiết.

- Xác định được tên, vị trí, vai trò của các tuyến nội tiết trong cơ thể

**\* Tìm hiểu KHTN**

- Lấy được các ví dụ về các bệnh liên quan đến hệ nội tiết: nguyên nhân, biểu hiện, hậu quả và biện pháp phòng tránh.

**\* Vận dụng KHTN**

- Vận dụng kiến thức điều tra tình hình thực tế địa phương, giải thích các hiện tượng thực tế.

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ thực hiện các nhiệm vụ học tâp.

- Trung thực khi báo cáo kết quả.

- Trách nhiệm với các công việc được giao.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:**

- Máy tính, máy chiếu.

- Tranh ảnh theo hình 35.1,35.2. Các hình ảnh, video liên quan đến biểu hiện, hậu quả, phòng chống các bệnh về hệ nội tiết.

**2. Đối với học sinh:**

- Vở ghi, sgk, dụng cụ học tập.

- Tìm hiểu trước các thông tin về hệ nội tiết, tên, vị trí các hệ nội tiết trong cơ thể.

- Sưu tầm thông tin, hình ảnh, video liên quan đến biểu hiện, hậu quả, phòng chống các bệnh về hệ nội tiết.

- Tìm hiểu về tình hình các bệnh nội tiết ở địa phương.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU.**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

**b. Nội dung:** Huy động các kiến thức thực tế của học sinh về một số bệnh liên quan đến hệ nội tiết để liên kết kiến thức thực tế vào bài học.

**c. Sản phẩm học tập:** Các câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung** |
| ***\*Chuyển giao nhiệm vụ học tập.***  GV chiếu hình 35.1 SGK yêu cầu học sinh hoạt động cá nhân trả lời câu hỏi:  *?Người có triệu chứng được thể hiện trong hình đang mắc bệnh gì? Nguyên nhân của bệnh đó?*    ***\*Thực hiện nhiệm vụ học tập***  - HS quan sát hình 35.1 SGK  - HS phát triển các ý kiến dựa trên kinh nghiệm của bản thân.  ***\*Báo cáo kết quả và thảo luận***  - Gọi 1 số học sinh nên ý kiến, GV ghi tóm tắt ý kiến lên bảng về 2 vấn đề: Tên bệnh và nguyên nhân gây bệnh.  - Thống kê ý kiến toàn lớp bằng biểu quyết cho các ý kiến đã nêu.  ***\*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  - Giáo viên nhận xét, đánh giá các câu trả lời của học sinh.  - GV dẫn dắt vào bài học bằng một số vấn đề cần giải quyết:  + Bệnh bướu cổ là bệnh gây nên do rối loạn tuyến giáp là một tuyến nội tiết.  + Ngoài ra còn các tuyến nội tiết nào khác, đặc điểm và vai trò của tuyến nội tiết là gì? | - Bệnh nhân trong hình đang mắc bệnh bướu cổ.  - Nguyên nhân do thiếu Iodine.  - Bệnh liên quan đến hoạt động của tuyến giáp. |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu về các tuyến nội tiết.**

**a. Mục tiêu:**

**-** Nêu được tên, vị trí và chức năng của các tuyến nội tiết. Từ đó phát biểu được khái niệm về hệ nội tiết.

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, thảo luận nhóm hoàn thành phiếu học tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Phiếu học tập.

Kết quả phiếu học tập 1.

|  |  |
| --- | --- |
| **Tuyến nội tiết** | **Vị trí** |
| Tuyến tùng | Nằm gần trung tâm của não. |
| Tuyến giáp | Nằm ở cổ, trước thanh quản và phần trên của khí quản. |
| Tuyến cận giáp | Nằm ở cổ, phía sau tuyến giáp. |
| Tuyến ức | Nằm trong lồng ngực, phía  sau xương ức. |
| Tuyến sinh dục | - Ở nam: Tinh hoàn.  - Ở nữ: Buồng trứng. |
| Vùng dưới đồi | Nằm trong não bộ, giữa tuyến yên và đồi thị. |
| Tuyến yên | Nằm trong nền sọ. |
| Tuyến tụy | Nằm trong khoang bụng, phía sau dạ dày. |
| Tuyến trên thận | Nằm ở cực trên của mỗi thận. |

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| \* Nhiệm vụ 1:  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.**  - Chia nhóm hoạt động ( 6 – 8 hs/nhóm).  - Chiếu nhiệm vụ học tập.  + Quan sát hình 35.2 hoàn thành phiếu học tập 1 (7p)  + Cử dại diện báo cáo kết quả theo hình câm.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Tên các tuyến nội tiết** | **Vị tí các tuyến nội tiết** | | **1** |  |  | | **2** |  |  | | **3** |  |  | | **4** |  |  | | **.....** |  |  |   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + Cử đại diện báo cáo.  + Gv quan sát, hỗ trợ học sinh làm việc đặc biệt là cách gọi tên vị trí của các tuyến nội tiết trong cơ thể.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận.**  - Gv chiếu hình    - Gọi đại diện các nhóm lần lượt báo cáo theo hình.  - Các nhóm khác theo dõi chấm chéo.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét quá trình làm việc của các nhóm.  + Đánh giá kết quả hoạt động của các nhóm theo phiếu học tập và theo hình.  \* Nhiệm vụ 2:  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.**  - Cá nhân học sinh tự thu nhận các chức năng của các tuyến nội tiết theo hình 35.2.(2p)  - Trao đổi nhóm bàn để kiểm tra chéo.(2p)  - GV chia 4 đội thi “ai nhanh hơn” với 2 vòng thi.  1. Ghép nối tên các tuyến nội tiết và chức năng tương ứng của chúng.  2. Hệ nội tiết là gì? Phân biệt đặc điểm của hệ nội tiết và hệ ngoại tiết.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + Cử đại diện tham gia đội thi.  + Gv quan sát, hỗ trợ học sinh làm việc hướng dẫn học sinh chuẩn bị các nội dung để tham gia các vòng thi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận.**  - Gv tổ chức báo cáo theo hình thức đội thi.  - Với vòng thi 1 GV chiếu bảng thông tin về tên và chức năng của các hệ nội tiết, các đội thi cử 3 thành viên tham gia, viết nhanh đáp án vào bảng nhóm, mỗi đáp án đúng được tính 1 điểm. Thời gian thực hiện 1 phút.  - Với vòng 2: Các đội bốc thăm thứ tự thi đội thi sẽ thuyết trình về 2 nội dung đã chuẩn bị. Đội còn lại được phép đặt câu hỏi cho đội thi thực hiện phản biện.  + Cử ban giám khảo chấm điểm.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét quá trình làm việc của các nhóm.  + Đánh giá kết quả hoạt động của các đội thi theo kết quả thư ký tổng hợp.  + Mở rộng thêm kiến thức về tuyến pha. | I. Các tuyến nội tiết.  \* Vị trí. Theo phiếu học tập 1.  \* Chức năng của các tuyến nội tiết.  \* Đặc điểm của tuyến nội tiết.  - KN: H**ệ nội tiết là một hệ thống các tuyến có khả năng sản xuất và tiết hormone trực tiếp vào máu để đảm bảo duy trì ổn định môi trường trong và điều hòa các quá trình sinh lí của cơ thể.**  **- Đặc điểm:**  **+ Sản phẩm của tuyến nội tiết là các hoocmon.**  **+ Hoocmon được ngấm trực tiếp vào máu đến cơ quan đích, không qua hệ thống ống dẫn.**  **+ Mỗi hoocmon chỉ ảnh hưởng đến 1 hoặc một số tế bào của cơ quan xác định (cơ quan đích) -> tính đặc hiệu của hoocmon.**  **+ Một số tuyến trên cơ thể có thể thực hiện cả 2 chức năng nội tiết và ngoại tiết gọi là tuyến pha**  **(tuyến tụy, tuyến sinh dục)** |

**Ghép các chức năng ở cột B sao cho phù hợp với các tuyến nội tiết ở cột A**

|  |  |
| --- | --- |
| **A.Tuyến nội tiết** | **B. Chức năng** |
| 1.Tuyến tùng | a  - Chức năng nội tiết: Điều hòa lượng đường máu (insulin và glucagon). |
| 2.Tuyến giáp | b  - Kích thích sự phát triển của các tế bào limpho T (Thymosin). |
| 3. Tuyến cận giáp | c  - Điều hòa huyết áp, thể tích máu (aldosterone).  - Điều hòa trao đổi chất, năng lượng (cortisol).  - Chống stress (adrenalin, noradrenalin,cortisol). |
| 4.Tuyến ức | d  - Điều hòa hoạt động tuyến yên (CRH, TRH,GnRH).  - Điều hòa áp suất thẩm thấu (ADH).  - Kích thích quá trình đẻ (oxytocin). |
| 5.Tuyến sinh dục | e  - Điều hòa chu kì thức ngủ (melatonin). |
| 6.Vùng dưới đồi | g  - Hình thành đặc điểm sinh dục thứ cấp.  - Kích thích sinh trưởng, phát triển.  - Điều hòa chu kì sinh dục. |
| 7.Tuyến yên | h  - Điều hòa sinh trưởng, phát triển (T3, T4).  - Tăng cường trao đổi chất, sinh nhiệt (T3, T4).  - Điều hòa calcium máu (Calcitonin). |
| 8.Tuyến tụy | k  - Điều hòa lượng calcium máu (PTH). |
| 9.Tuyến trên thận | m  - Kích thích sinh trưởng (GH).  - Điều hòa hình thành và tiết sữa (prolactin).  - Điều hòa hoạt động tuyến giáp (TSH), tuyến  trên thận (ACTH), tuyến sinh dục (FSH, LH). |

**Đáp án:** 1 e; 2 h; 3 k; 4 b; 5 g; 6 d; 7 m; 8 a ; 9 c

**Hoạt động 2: Một số bệnh về tuyến nội tiết**

**a. Mục tiêu:**

- Nêu được một số bệnh liên quan đến hệ nội tiết và cách phòng chống các bệnh đó.

- Vận dụng được hiểu biết về các tuyến nội tiết để bảo vệ sức khỏe bản thân và người thân trong gia đình.

**b. Nội dung:** Học sinh nghiên cứu thông tin sgk, làm việc nhóm, kết hợp sử dụng thông tin mạng internet để tìm hiểu các bệnh về tuyến nội tiết, đề xuất các biện pháp phòng bệnh.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.**  GV chia nhóm hoạt động, chiếu nội dung nhiệm vụ của mỗi nhóm.  1. Cá nhân đọc thông tin sgk ghi lại được một số bệnh về nội tiết.1p  2. Nhóm thảo luận: dựa trên kiến thức thực tế của bản thân + khai thác thông tin internet tìm hiểu về nguyên nhân, biểu hiện, hậu quả của mỗi bệnh trên.5p  Nhóm 1: Bệnh đái tháo đường.  Nhóm 2: Bệnh bướu cổ và bệnh basedow.  Nhóm 3: Hội chứng cushing.  Nhóm 4: Bệnh vô sinh liên quan đến tuyến sinh dục.  3. Đề xuất các biện pháp phòng chống bệnh ( sơ đồ tư duy) 5p  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + ND 2: Các nhóm lần lượt chia sẻ thông tin đã nghiên cứu được về bệnh mà nhóm phụ trách. Các nhóm khác nghe thu nhận thông tin, khuyến khích các nhóm bổ sung thêm thông tin cho nhóm bạn dựa trên các hiểu biết thực tế ban thân mình nắm bắt được.  + ND3: Gọi đại diện 1 nhóm chiếu sản phẩm là sơ đồ tư duy của nhóm mình lên để thuyết trình. Các nhóm khác bổ sung, Gv chấm chữa và cho HS các nhóm còn lại chấm chéo.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét.  - Chốt lại kiến thức chuẩn. | **II. Một số bệnh về tuyến nội tiết.**  - Một số bệnh:  + Đái tháo đường ( tuyến tụy)  + Bướu cổ ( tuyến giáp)  + Lùn hoặc khổng lồ( tuyến yên)  + Hội chứng cushing ( tuyến trên thận)  + Vô sinh (tuyến sinh dục)  **-** Biện pháp phòng bệnh.  + Thực hiện chế độ dinh dưỡng và lối sống lành mạnh   * Khẩu phần ăn đầy đủ chất dinh dưỡng cần thiết. * Sử dụng đủ lượng muối iodine. * Hạn chế chất béo, đường. * Luyện tập thể thao thường xuyên. * Đảo bảo giấc ngủ, không sử dụng chất kích thích. * Không tự ý dùng thuốc. * Thường xuyên kiểm tra sức khỏe. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố kiến thức về hệ nội tiết.

**b. Nội dung:** HS làm bài tập trắc nghiệm.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV chiếu nội dung bài tập.

**Câu 1: Hệ nội tiết có chức năng là:**

A. Điều khiển các hoạt động sống của cơ thể.

B. Điều hòa các quá trình sinh lý trong cơ thể.

C. Điều hòa hoạt động của các cơ quan trong cơ thể.

D. Điều khiển, điều hòa hoạt động của các cơ quan trong cơ thể.

**Câu 2: Sản phẩm của tuyến nội tiết là:**

A. Hoocmon.

B. Kháng thể.

C. Máu.

D. Nước mô.

**Câu 3: Các tuyến nội tiết chính trong cơ thể người là:**

A. Tuyến yên, tuyến giáp, tuyến gan, tuyến tùng.

B. Tuyến tụy, tuyến mồ hôi, tuyến cận giáp, tuyến trên thận.

C. Tuyến yên, tuyến giáp, tuyến cận giáp, tuyến trên thận.

D. Tuyến sinh dục, tuyến thượng thận, tuyến sữa, tuyến nhờn.

**Câu 4: Rối loại hoocmon tuyến giáp sẽ dẫn đến bệnh nào sau đây?**

A. Bướu cổ.

B. Đái tháo đường.

C. Vô sinh.

D. Ung thư.

**Câu 5: Người ta có thể dùng hoocmon insulin của động vật để chữa bệnh đái tháo đường ở người. Điều này chứng tỏ hoocmon có tính chất nào sau đây?**

A. Tính đặc hiệu.

B. Tính đặc trưng cho loài.

C. Không mang tính đặc trưng cho loài.

D. Có hoạt tính sinh học cao.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Tìm hiểu được các bệnh nội tiết ở địa phương.

**b. Nội dung:** Học sinh tiến hành điều tra theo nhóm.

**c. Sản phẩm học tập:** Báo cáo của các nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.**

- Chia nhóm học sinh: Mỗi tổ = 1 nhóm.

- Chiếu nhiệm vụ của các nhóm thực hiện dự án điều tra số người bị bệnh liên quan đến hệ nội tiết ở địa phương như bướu cổ, đái tháo đường…

- Yêu cầu các nhóm lập kế hoạch dự án, phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.**

- HS: Trao đổi nhóm:

+ Rà soát lại các bước tiến hành:

1. Xác định vấn đề cần diều tra và chuẩn bị mẫu phiếu điều tra.

2. Điều tra tại khu dân cư.

3. Tính tỉ lệ mắc bệnh.

4. Viết báo cáo nhận xét về tỉ lện người mắc bệnh về hệ nội tiết, đề xuất 1 số cách phòng tránh.

+ Phân công nhiệm vụ cho từng thành viên và lên kế hoạch đi điều tra tại khu dân cư.

- GV theo dõi, hướng dẫn học sinh lập kế hoạch, phân công thành viên, phương án điều tra (nên tập trung điều tra tại một khu vực dân cư nhất định)

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận.**

- Thực hiện nộp báo cáo sau 1 tuần nhận nhiệm vụ.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.**

- GV tiến hành đánh giá sau khi các nhóm nộp sản phẩm.

\* Chuẩn bị ở nhà

- Hoàn thành bài tập ở nhà

- Chuẩn bị cho bài học tiếp theo: Bài 36